

Số: /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 38/SP-PSA ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Cảng Quốc tế SP – PSA (Giai đoạn 1) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA, địa chỉ tại đường Liên Cảng Cái Mép – Thị Vải, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường Giai đoạn 1 của cơ sở Cảng Quốc tế SP – PSA tại đường Liên Cảng Cái Mép – Thị Vải, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cảng Quốc tế SP – PSA.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường Liên Cảng Cái Mép – Thị Vải, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500774906 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 15/12/2006 và chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 13/10/2021. Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000007 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 15/12/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 01/10/2007.

1.4. Mã số thuế: 3500774906.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh khai thác cảng biển.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 53,98 ha, đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật phần diện tích 27 ha trên tổng diện tích 53,98 ha.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Giai đoạn 1: Cơ sở gồm 02 bến cảng có chiều dài 600m, tiếp nhận tàu có trọng tải tối đa 80.000 DWT; Sản lượng hàng container, bách hóa tổng hợp thông qua cảng: 12 triệu tấn/năm. (đã thực hiện).

+ Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng bến, bãi trên khu đất trống còn lại của dự án có diện tích 26,8ha gồm 2 bến phía hạ lưu với chiều dài bến là 600m và thiết bị bốc xếp cho Cảng (chưa thực hiện).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày tháng năm 2023 đến ngày ... tháng năm 2030).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA;
- Lưu: VT, KSONMT, HHa.12.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 20.... của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:****1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà kiểm soát hải quan;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà điều hành cảng;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng công trường (bãi container).
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng xưởng sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

- Nguồn số 05: Nước thải từ hoạt động vệ sinh container, thiết bị, phương tiện nội bộ tại khu vực sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Sông Thị Vải thuộc khu vực phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Đường Liên Cảng Cái Mép – Thị Vải, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 1168673,44$; $Y = 419791,96$.

Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $63 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Không liên tục, trung bình 2 lần xả/ngày đêm. Thời gian xả từ 11 giờ - 21 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 1,0$ và $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	110		
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	55		
4	COD	mg/L	165		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	11		
6	Sunfua	mg/L	0,55		
7	Tổng Nitơ (Tính theo N)	mg/L	44		
8	Tổng photpho	mg/L	6,6		
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	11		
10	Tổng Coliform	MPN/100mL	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà kiểm soát hải quan (nguồn số 01) (đưa qua bể tự hoại 3 ngăn với dung tích 11,4 m³) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 63 m³/ngày để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ khu vực văn phòng nhà điều hành (nguồn số 02) (nước thải từ nhà vệ sinh đưa qua bể tự hoại 3 ngăn với dung tích 37,6 m³, nước thải từ khu vực nhà bếp đưa qua bể tách dầu mỡ dung tích 0,864 m³) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 63 m³/ngày để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực xưởng sửa chữa (nguồn số 03) (đưa qua bể tự hoại 3 ngăn với dung tích 37,5 m³) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 63 m³/ngày để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng công trường (nguồn số 04) (đưa qua bể tự hoại 3 ngăn với dung tích 20 m³) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 63 m³/ngày để xử lý.

- Nước thải sản xuất từ vệ sinh container, thiết bị, phương tiện nội bộ (nguồn số 05) (đưa qua bể tách dầu mỡ với dung tích 32 m³) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 63 m³/ngày để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại) + (Nước thải khu vực bếp ăn → Bể tách dầu mỡ) + (Nước thải vệ sinh container, thiết bị, phương tiện nội bộ → Bể tách dầu) → Song chắn rác → Bể chứa nước thải thô → Hộp điều khiển lưu lượng → Bể khử Nitơ thứ 1 → Bể Nitrat hóa → Bể khử Nitơ thứ 2 → Bể xử lý hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể giám sát → sông Thị Vải.

- Công suất thiết kế: 63 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, Methanol, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đảm bảo không tắc nghẽn trong quá trình vận hành; định kỳ bảo dưỡng các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải 03 tháng/lần. Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Đảm bảo vận hành theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Nhân viên kiểm soát phát hiện sự cố tại hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua cảm quan về chất lượng nước thải; tiến hành đóng van nước thải sau xử lý tại các bể xử lý và thông báo sự việc cho quản vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nhân viên kỹ thuật tiến hành sửa chữa, khắc phục lỗi của hệ thống xử lý.

- Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, hệ thống sẽ tiếp tục xử lý phần nước lưu chứa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 20....
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng số 01, công suất 500 kW.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng số 02, công suất 1.600 kW.
- Nguồn số 03: Khu vực bốc dỡ hàng hóa tại bến tàu.
- Nguồn số 04: Khu vực xưởng sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị.
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 06: Khu vực bãi lưu chứa container.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1168713,05; Y = 420407,52.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1168818,72; Y = 420320,05.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 1168890,55; Y = 420005,58.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 1168483,57; Y = 420248,63.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 1168453,74; Y = 420234,00.
- Nguồn số 06: Tọa độ: X = 1168699,91; Y = 420065,93.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- 1.1. Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- 1.2. Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,

PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 20.....
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	08 01 01	360
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	285
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	870
4	Chất lỏng nguy hại (dầu nhiên liệu và dầu diesel thải)	17 06 01	6.243
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	11.880
Tổng khối lượng			19.623

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton	240
2	Gỗ vụn	1.000
3	Nhựa bao bì thải	200
4	Sắt vụn	200
5	Bùn từ hầm tự hoại nhà vệ sinh, bể tách mỡ nhà bếp, hệ thống xử lý nước thải	7.800

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
6	Bùn từ hồ ga lắng cặn hệ thống cống rãnh	10.000
7	Lốp xe cao su thải	1.000
8	Vật chất nạo vét duy tu	100.000 m ³ /năm

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	48
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	48

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có kết cấu nhà kho xây dựng kiên cố với nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, mái tôn, vách xây gạch, cửa thép. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu nhà kho xây dựng kiên cố với nền bê tông, mái tôn, vách xây gạch, cửa thép, có dán nhãn tên kho và trang bị thiết bị PCCC đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 20..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật phần diện tích 27 ha trên tổng diện tích 53,98 ha của Dự án “Cảng Quốc tế SP – PSA” tại đường Liên Cảng Cái Mép – Thị Vải, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu căn cứ Quyết định số 1904/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1904/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2007 nêu trên cụ thể như sau

2.1. Các hạng mục cơ sở hạ tầng:

- Đầu tư xây dựng bến, bãi trên khu đất trống còn lại của dự án có diện tích 27ha. 2 bến phía hạ lưu với chiều dài bến là 600m.

- Đầu tư thiết bị bốc xếp cho Cảng giai đoạn 2.

2.2. Xây dựng công trình bảo vệ môi trường

- Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm có quy trình công nghệ như sau: (Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại) + (Nước thải khu vực bếp ăn → Bể tách dầu mỡ) + (Nước thải vệ sinh container, thiết bị, phương tiện nội bộ → Bể tách dầu) → Song chắn rác → Bể chứa nước thải thô → Hộp điều khiển lưu lượng → Bể khử Nitơ thứ 1 → Bể Nitrat hóa → Bể khử Nitơ thứ 2 → Bể xử lý hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể giám sát → sông Thị Vải.

- Thực hiện nạo vét duy tu khu nước trước bến tàu, bến sà lan, khu lai dắt theo quy định an toàn luồng hàng hải.

2.3. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Đối với thu gom và xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh trên công trường tại các nhà vệ sinh di động được nhà thầu thi công định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định; tuyệt đối không xả thẳng ra môi trường.

+ Nước thải từ hoạt động rửa phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường được thu gom và xử lý bằng phương pháp hồ lắng, tách cặn sau đó thoát ra sông Thị Vải.

+ Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công của Dự án và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Đối với xử lý bụi, khí thải:

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

+ Lập hàng rào thi công bao quanh công trường; Tưới ẩm thường xuyên trên công trường.

+ Tất cả các phương tiện, máy móc sử dụng phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm; Khi chuyên chở vật liệu xây dựng, đất thải, ... các phương tiện sẽ được phủ kín bằng vải bạt, tránh tình trạng rơi vãi trên đường vận chuyển.

+ Bố trí hệ thống phun, rửa xe vận tải đất đá, vật liệu xây dựng trước khi ra khỏi công trường để tránh tình trạng xe lồi theo bùn, đất ra ngoài làm bẩn đường xá khi xe đi ngang qua.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

+ Toàn bộ đất cát, cây cỏ, phế thải xây dựng như sắt, thép, ván gỗ, ... phát sinh trong quá trình chuẩn bị mặt bằng, quá trình xây dựng được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc trên công trường được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

+ Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng được thu gom, lưu trữ trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy và dán nhãn theo quy định.

+ Chủ đầu tư Dự án sẽ có kế hoạch tổ chức đấu thầu nhằm chọn đơn vị thi công chính và các đơn vị thầu phụ phục vụ cho quá trình thi công dự án. Theo đó, các vấn đề về hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại sẽ do đơn vị được chỉ định thầu đứng ra ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý phù hợp với quy định hiện hành.

2.4. Các biện pháp khác trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: Xây dựng phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công, dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép.

- Thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân

sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

2. Sau khi đã hoàn thành hạng mục, công trình hạ tầng và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn tiếp theo của Dự án, Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tiếp tục thực hiện các hạng mục, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công các hạng mục công trình còn lại của Dự án.

2. Thực hiện hoạt động duy tu, nạo vét Cảng Quốc tế SP-PSA với tần suất 01 năm/lần, đảm bảo thực hiện hoạt động nạo vét, duy tu, đổ thải theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Thỏa thuận vị trí đổ bùn, thiết kế và nạo vét duy tu Cảng Quốc tế SP-PSA tại phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu” được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2019 và theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về môi trường.

4. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (bao gồm 01 máy phát điện công suất 500 kW và 01 máy phát điện công suất 1.600 kW, nhiên liệu sử dụng dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác đối với hoạt động nạo vét duy tu theo quy định pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.